



**BẢN TIN THÁNG:**

*(Lưu hành nội bộ)*

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO - SỐ 04

THÁNG 10/2020



**A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:****I. GIÁ GAO TRONG THÁNG: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T9.20	So T10.19
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	447	484	466	-28	60
	5% tấm	437	473	456	-27	60
	25% tấm	430	455	444	-17	55
	Hom Mali 92%	793	837	818	-53	-343
	Gạo đỏ 100% Stxd	447	482	464	-31	64
	A1 Super	407	422	412	-3	33
VIỆT NAM	5% tấm	463	497	478	8	131
	25% tấm	438	472	454	7	120
	Jasmine	578	607	589	11	27
	100% tấm	403	437	414	13	101
ẤN ĐỘ	5% tấm	348	352	350	-10	-16
	25% tấm	328	332	330	-6	0
	Gạo đỏ 5% Stxd	368	377	372	-10	8
	100% tấm Stxd	278	292	286	-15	-29
PAKISTAN	5% tấm	388	412	399	-15	36
	25% tấm	338	367	355	-8	17
	100% tấm Stxd	308	329	320	5	3
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	438	447	442	-7	N/A
MỸ	4% tấm	586	595	590	-5	78
	15% tấm (Sacked)	566	579	572	-7	49
	Gạo đỏ 4% tấm	625	641	629	-10	87
	Calrose 4%	856	923	883	-69	68

**II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO CỦA CÁC NƯỚC:**

(Nguồn TRT, đến 28/10/2020)

Nước xuất khẩu	Lũy kế cùng kỳ			Cả năm 2019
	2019	2020	+/- so 2019	
Thái Lan	6.467	<b>4.751</b>	<b>-26,53%</b>	<b>7.562</b>
Ấn Độ	8.222	<b>10.964</b>	<b>33,35%</b>	<b>9.811</b>
Việt Nam	6.293	<b>5.605</b>	<b>-10,93%</b>	<b>7.327</b>
Pakistan	3.153	<b>3.062</b>	<b>-2,90%</b>	<b>3.984</b>
Mỹ	2.550	<b>2.078</b>	<b>-18,48%</b>	<b>3.113</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.684</b>	<b>26.460</b>	<b>-0,84%</b>	<b>32.038</b>

**III. SỰ KIẾN TRONG THÁNG:****1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T10.2020	Sản lượng 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20	Thương mại 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20	Tồn kho cuối kỳ 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/220
IGC	504,0	+1,41%	45,0	+7,14%	178,0	+1,71%
USDA	501,5	+1,00%	44,2	+3,00%	179,2	+1,00%
FAO	509,1	+1,56%	47,1	+7,05%	182,0	-0,44%

**2. Các thị trường chính:**

**Thái Lan**, kết thúc tháng 10/2020 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 454 USD/tấn, giảm khoảng 20 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 58 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Tính đến ngày 11/10/2020, Thái Lan đã xuất khẩu 3,215 triệu tấn gạo các loại, giảm 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Chủ tịch danh dự Hiệp hội Các nhà Xuất khẩu Gạo Thái Lan (TREA) dự kiến xuất khẩu gạo năm 2020 ở mức 5 triệu tấn, giảm 33% so với con số 7,5 triệu tấn năm 2019 và kim ngạch cũng thấp hơn 12% so với năm trước, chỉ đạt khoảng 115 tỷ baht (#3,66 tỷ USD).

**Ấn Độ**, kết thúc tháng 10/2020 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 350 USD/tấn, không đổi so với tháng trước và giảm khoảng 15 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

USDA dự báo xuất khẩu gạo năm 2020 của Ấn Độ tăng mạnh dù nhu cầu nội địa cao. Chính phủ Ấn Độ đã phân phối hơn 14 triệu tấn gạo ra thị trường trong nước qua nhiều kênh khác nhau nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu thụ cho người dân giữa bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong thời gian qua. USDA cũng dự báo Ấn Độ sẽ tiếp tục là nguồn cung gạo lớn nhất trên thế giới, chiếm đến 30% thị phần thương mại gạo toàn cầu và xuất khẩu gạo năm thị trường 2020/21 (1/4/2020 – 31/3/2021) ước đạt mức kỷ lục 12,5 triệu tấn. Trong 5 tháng đầu của năm thị trường 2020/21 (1/4/2020 – 31/8/2020) Ấn Độ đã xuất khẩu 5,98 triệu tấn, gồm 2,03 triệu tấn gạo basmati và 3,94 triệu tấn gạo non-basmati), tăng 57% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 8/2020, Ấn Độ đã xuất khẩu 1,284 triệu tấn gạo, gồm 353 ngàn tấn gạo basmati và 930 ngàn tấn gạo non-basmati, tăng khoảng 87% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm khoảng 12% so với tháng 7/2020.

**Pakistan**, kết thúc tháng 10/2020 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 390 USD/tấn, giảm khoảng 15 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 33 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Tháng 9/2020, Pakistan xuất khẩu 188 ngàn tấn gạo các loại, tăng 12% so với thời điểm tháng 8/2020 và giảm khoảng 25% so với cùng kỳ năm trước.

Chính phủ Sri Lanka đã quyết định nhập khẩu mỗi năm 6.000 tấn gạo basmati Pakistan trong khuôn khổ Thỏa thuận Thương mại Tự do song phương đã ký kết giữa hai nước.

**Miến Điện**, kết thúc tháng 10/2020 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 440 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 85 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF) dự kiến xuất khẩu gạo năm thị trường 2020/21 (1/10/2020 – 30/9/2021) vào khoảng 2,5 triệu tấn gạo. Trong năm thị trường 2019/20 (1/10/2019 – 30/9/2020) Miến Điện đã xuất khẩu được hơn 2,5 triệu tấn gạo các loại, kim ngạch đạt 794,3 triệu USD, tăng 33% so với năm thị trường 2018/19.

**Campuchia**, hơn 50 ngàn ha lúa bị thiệt hại do lũ lụt, dự kiến con số này sẽ tiếp tục tăng do tình hình mưa lũ vẫn chưa có tín hiệu kết thúc. Hiện nay, đã có đến 270 ngàn ha đất lúa đang chìm trong lũ. Chính phủ nước này cũng vừa bổ sung thêm gói tín dụng trị giá 30 triệu USD nhằm hỗ trợ các nhà xay xát thu mua lúa gạo vụ sắp thu hoạch vào thời điểm cuối năm nay.

**Indonesia**, sản lượng lúa gạo năm 2020 ước tăng 1,02% so với năm 2019, đạt mức 55,69 triệu tấn. Sản lượng gạo xay xát cũng tăng khoảng 1%, đạt 31,63 triệu tấn.

**Philippines**, tính đến ngày 1/9/2020, tồn kho gạo cả nước ở mức 1,823 triệu tấn, giảm khoảng 1% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng khoảng 2% so với thời điểm ngày 1/8/2020. Bộ Nông nghiệp Philippines ước tính sản lượng lúa năm 2020 cao hơn mọi năm, vào khoảng 20,341 triệu tấn nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và năng suất cao. Bộ Nông nghiệp nước này cũng quyết định tạm ngừng hoạt động nhập khẩu gạo trong hai tháng tháng 11 và 12/2020 như một phần của nỗ lực hỗ trợ giá lương thực nội địa trong suốt thời gian thu hoạch vụ chính.

**Trung Quốc**, sản lượng lúa cả năm 2020 của Trung Quốc ước đạt hơn 200 triệu tấn. Tồn kho dự báo sẽ tiếp tục giảm do chính phủ nước này vẫn tiến hành các cuộc đấu giá bán ra tồn kho gạo vụ cũ. Tính đến ngày 31/8/2020, nước này đã bán ra tổng cộng 11,24 triệu tấn gạo dự trữ thông qua các cuộc đấu giá.

**Hàn Quốc**, ước tính sản lượng lúa gạo cả năm 2020 vào khoảng 3,63 triệu tấn, giảm 3% so với cùng kỳ năm ngoái do điều kiện thời tiết không thuận lợi và diện tích gieo trồng bị thu hẹp. Đây cũng là năm thứ 5 sản lượng sụt giảm liên tiếp.

**Châu Âu**, từ ngày 1/9-25/10/2020, EU và UK đã nhập khẩu 176 ngàn tấn gạo các loại, giảm khoảng 9% so với cùng kỳ năm thị trường trước đó.

**Iran**, nhập khẩu gạo trong 5 tháng đầu của năm thị trường 2020/21 (21/3/2020-21/8/2020) giảm 48% so với cùng kỳ năm ngoái.

### **3. Thông tin thầu:**

#### **Nhật Bản:**

- Nhập khẩu 14.000 tấn gạo Thái Lan thông qua đợt thầu quốc tế mở ngày 2/10/2020, với thời gian giao hàng từ 20/10-30/11/2020.

- Nhập khẩu 86.000 tấn gạo Thái Lan thông qua đợt thầu quốc tế mở ngày 16/10/2020 với thời gian giao hàng từ 10/11-20/12/2020.

- Mua và bán đồng thời tổng cộng 5.569 tấn gạo trong đợt thầu SBS (Simultaneous Buy-Sell) thứ hai của năm tài chính 2020/21 (4/2020-3/2021) diễn ra vào hôm 28/10/2020.

- Nhập khẩu 7.000 tấn gạo (non-glutinous) trong đợt thầu quốc tế mở ngày 30/10/2020 với thời gian giao hàng từ 1/12/2020-31/1/2021.

### **IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:** (Nguồn: [www.xe.com](http://www.xe.com))

<b>Ngoại tệ</b>	<b>Thấp nhất</b>	<b>Cao nhất</b>	<b>Bình quân</b>
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,65	6,79	6,73
Euro (USD/Euro)	1,16	1,19	1,18
Rupiah Indonesia (IDR)	14.626,89	14.875,04	14.714,35
Rupee Ấn Độ (INR)	73,19	74,60	73,56
Yen Nhật Bản (JPY)	104,35	105,98	105,22
Philippines Peso (PHP)	48,33	48,67	48,49
Pakistan Rupees (PKR)	160,27	165,20	162,82
Baht Thái Lan (THB)	31,13	31,62	31,27
Vietnamese Dong (VND)	23.058,69	23.245,38	23.167,71

### **B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**

#### **I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO:**

##### **1. Kết quả xuất khẩu:**

Theo số liệu tổng hợp, xuất khẩu tháng 10 năm 2020 đạt 362.930 tấn, trị giá 192,012 triệu USD so với cùng kỳ giảm 5,8% về số lượng và giảm 1,9% về trị giá. Lũy kế xuất khẩu từ đầu năm đến ngày 31/10/2020 đạt 5,351 triệu tấn, trị giá 2,640 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 2,8% và về trị giá tăng 9,5%.

**\* Thị trường xuất khẩu lũy kế 10 tháng/2020:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Angieri	334	224.725	0,01%
Angola	3.295	1.579.212	0,06%
Australia	23.830	15.023.492	0,44%
Bangladesh	561	288.749	0,01%
Belgium	385	240.302	0,01%
Brunei	321	136.104	0,01%
Chile	1.641	774.383	0,03%
China	657.619	379.552.744	12,28%
Cuba	239.608	114.584.821	4,47%
French	3.020	1.829.315	0,06%
Ghana	490.959	263.804.321	9,17%
Hongkong	68.329	38.684.086	1,28%
I'vory Coast	401.195	184.479.415	7,49%
Indonesia	83.812	45.610.877	1,57%
Iraq	90.000	47.610.003	1,68%
Malaysia	526.315	225.553.072	9,83%
Mozambique	53.578	26.912.320	1,00%
Netherlands	7.715	3.965.916	0,14%
Philippines	1.860.974	868.660.411	34,75%
Polan	9.078	4.720.937	0,17%
Russia	7.662	3.311.281	0,14%
Saudi Arabia	29.101	16.996.432	0,54%
Senegal	42.061	14.980.503	0,79%
Singapore	93.329	51.320.700	1,74%
South Africa	5.413	2.973.383	0,10%
Spain	1.347	734.547	0,03%
Taiwan	16.404	9.152.559	0,31%
Tanzania	15.173	8.719.869	0,28%
Tukey	1.336	797.491	0,02%
United Arab Emirates	39.820	22.345.932	0,74%
United States America	16.445	11.291.377	0,31%
Ukraina	2.243	1.366.537	0,04%
Các nước khác	558.483	271.441.627	10,44%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.351.386</b>	<b>2.639.667.443</b>	<b>100,00%</b>

**2. Bảng tàu xếp hàng:**

Từ ngày 01/10 – 31/10/2020, có 18 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 161.050 tấn gạo các loại (trong đó, 12 tàu cảng Hồ Chí Minh và 6 tàu cảng Mỹ Thới).

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Giang Hải 09	Mỹ Thới	02/10/20	4.100	Philippines
2	Hòa Bình 09	Mỹ Thới	02/10/20	5.000	Philippines
3	Unity	HCM	03/10/20	29.500	Châu Phi
4	Hải Hà 58	HCM	04/10/20	4.900	Malaysia
5	Grace C	HCM	05/10/20	30.450	Cuba
6	An Thịnh Phú 08	HCM	10/10/20	6.400	Malaysia
7	Vinh 02	HCM	10/10/20	4.900	Malaysia
8	An Bình 18	HCM	13/10/20	3.950	Malaysia
9	Eco Atlantic	HCM	13/10/20	32.000	Châu Phi
10	Quang Minh 18	Mỹ Thới	16/10/20	4.000	Philippines
11	Thái Bình 38	Mỹ Thới	16/10/20	5.000	Philippines
12	Trường Lộc 16	HCM	16/10/20	4.900	Malaysia
13	V Tre	HCM	17/10/20	4.250	Châu Phi
14	Hải Bình 16	HCM	18/10/20	4.000	Malaysia
15	Sky Forture	HCM	20/10/20	6.200	Philippines
16	Sea Dream	HCM	30/10/20	9.200	Hàn Quốc
17	J-Saphia	Mỹ Thới	30/10/20	2.300	Philippines
18	J-Phia	Mỹ Thới	30/10/20	2.200	Philippines
<b>Tổng</b>				<b>161.050</b>	

**II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:****1. Tiến độ sản xuất:**

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

\* Từ ngày 01/10 đến 31/10/2020:

- Vụ Hè Thu 2020, thu hoạch được 259 ngàn ha với năng suất khoảng 5,8 tấn/ha;

- Vụ Thu Đông 2020, xuống giống được 97 ngàn ha/800 ngàn ha diện tích kế hoạch và thu hoạch được 161 ngàn ha với năng suất khoảng 5,5 tấn/ha;

- Vụ Đông Xuân 2020-2021 đã xuống giống được 184 ngàn ha/1,550 triệu ha diện tích kế hoạch.

\* Tính đến ngày 31/10/2020:

## SỐ 4 - THÁNG 10/2020

- Vụ Hè Thu 2020 đã xuống giống được 1,525 triệu ha/1,539 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch dứt điểm 1,525 triệu ha với năng suất khoảng 5,6 tấn/ha;

- Vụ Thu Đông 2020 đã xuống giống được 729 ngàn ha/800 ngàn ha diện tích kế hoạch và thu hoạch được 365 ngàn ha với năng suất khoảng 5,53 tấn/ha;

- Vụ Đông Xuân 2020-2021 đã xuống giống được 184 ngàn ha/1,550 triệu ha diện tích kế hoạch.

### 2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T9/2020	So với T10/2019
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng</b>					
Hạt dài	6.550	5.550	5.879	-878	+637
Lúa thường	6.450	4.800	5.775	+17	+1.417
<b>Lúa Khô/ Ướt Tại Kho</b>					
Hạt dài	7.550	5.925	6.877	+131	+906
Lúa thường	7.450	5.975	6.868	+1.184	+1.917
<b>Gạo Nguyên Liệu</b>					
Lứt loại 1	9.950	8.550	9.126	+299	+1.606
Lứt loại 2	9.750	8.625	9.029	+209	+2.582
Xát trắng loại 1	11.100	9.850	10.370	+120	+878
Xát trắng loại 2	10.750	10.000	10.354	+168	+3.127
<b>Phu Phẩm</b>					
Tám 1/2	9.100	8.250	8.679	+161	+2.374
Tám 2/3	8.550	7.200	7.729	+119	+2.005
Tám 3/4	7.900	7.050	7.349	+257	+1.812
Cám xát	6.750	5.550	6.064	+360	+444
Cám lau	6.750	5.550	6.064	+360	+452
<b>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</b>					
Gạo trắng 5% tấm	11.175	10.100	10.616	+78	+3.151
Gạo trắng 10% tấm	11.050	10.450	10.730	+30	+3.397
Gạo trắng 15% tấm	10.950	9.850	10.371	+59	+3.111
Gạo trắng 20% tấm	10.850	10.250	10.488	+16	+3.422
Gạo trắng 25% tấm	10.750	9.500	10.061	+61	+2.959

### C/ HẠT GẠO & MÓN NGON VIỆT NAM:

#### 1. Giống gạo Việt Nam: ĐÀI THƠM 8

##### \* Nguồn gốc:

Đài Thơm 8 là loại gạo được nghiên cứu và lai tạo từ tổ hợp lai giữa giống BVN và giống OM 4900 (BVN/OM4900). Ròng rã sau 4 năm, 8 vụ, tập thể tác giả của SSC đã chọn tạo thành công được dòng CT286 -17-1-1-1. Sau khi làm thuần, dòng này được mã hóa và đặt tên là gạo Đài Thơm 8.



**\* Đặc điểm chính:**

Thời gian sinh trưởng ngắn từ 90 – 95 ngày; chiều cao cây thấp từ 95 – 105cm, cứng cây, chống đổ ngã tốt, đẻ nhánh khỏe; bông hữu hiệu nhiều, độ kết hạt dày, ít lép cây; chống chịu sâu bệnh khá tốt và năng suất cao từ 7 – 9 tấn/ha; chịu được phèn, mặn rất tốt.



(Ảnh minh họa)

**\* Diện tích đã áp dụng thành công:**

Giống được áp dụng rộng rãi trên cả nước, chủ yếu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như Đồng Tháp, Long An, Sóc Trăng,...

**\* Đặc tính cơm:**

Hạt gạo thon dài, trong, không bạc bụng; gạo có hàm lượng amilose 16,29%, nhìn rất bắt mắt. Đặc biệt khi nấu lên cơm dẻo, ngon có mùi thơm nhẹ, đặc biệt để nguội cơm vẫn dẻo.



(Nguồn: [ssc.com.vn](http://ssc.com.vn))

## 2. Món ngon Việt Nam:

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ ẩm thực cùng sự du nhập ồ ạt của nhiều loại bánh phương Tây, **bánh đúc** – món ăn dân dã, mộc mạc mang đậm bản sắc văn hóa lúa nước và phong vị đồng quê của Việt Nam vẫn giữ được một chỗ đứng nhứt định từ quán làng, chợ quê ra đến thành thị. Để rồi, dù có đi đâu thì mỗi người trong chúng ta vẫn cứ nhớ, cứ thương món bánh dân gian giản dị, đơn sơ mà thấm đẫm tình quê hương này.

Bánh đúc, có lẽ còn là một hoài niệm dẫu yêu về tuổi thơ, về quê nhà – nơi có khóm tre xanh, dòng sông nhỏ và con đường hai bên màu lúa trĩu vàng. Đi giữa lòng thành phố, bất chợt nghe tiếng rao bánh đúc chắc hẳn nhiều người con xa xứ không khỏi nao lòng.



(Ảnh minh họa)

Nhắc đến bánh đúc là nhắc đến một món ăn dân dã lại vô cùng thơm ngon, áp ủ bên trong là nét hương đồng gió nội nhẹ nhàng đi vào văn hóa ẩm thực của dân tộc Việt Nam. Bánh đúc cũng hiện lên hết sức bình dị trong thơ ca với những ngôn từ mộc mạc mà đi sâu vào lòng người:

“Bánh đúc mà đổ ra sàng

Thuận em em bán, thuận chàng chàng mua.”

Có thể nói bánh đúc được xem là một món ăn đặc trưng thời khốn khó của miền Bắc và được làm nhiều ở các vùng quê như làng Điền, chợ Chay, Lai Động (nay thuộc Hà Nội), làng Đồng Quang (Yên Dũng, Bắc Giang). Theo thời gian, bánh đúc xuất hiện ở miền Trung với một số biến tấu khác với nơi bánh ra đời như bánh đúc tàu (Hải Phòng) hay vào đến miền Nam, bánh đúc đã thay đổi để trở thành món đặc sản của vùng đồng bằng Nam Bộ, mang đậm hương vị thôn quê với điển hình là món bánh đúc nước cốt dừa.



(Ảnh minh họa)

Chế biến món bánh đúc không khó nhưng để bánh đúc ngon lại đòi hỏi đôi chút kỹ công. Kỹ công từ khâu chọn nguyên liệu là gạo tẻ. Gạo tẻ được các cụ chọn làm bánh đúc phải là các loại gạo như: gạo Tám to, gạo Hiến, gạo 203, gạo DT 10; còn ngày nay chủ yếu dùng gạo Khang dân. Theo kinh nghiệm của các cụ, những loại gạo trên nhất thiết phải là gạo được xay, giã từ thóc vụ Chiêm đã để qua thời gian ít nhất một năm (dân gian thường gọi là gạo cũ) thì bánh đúc sẽ dai và ngon, còn gạo được xay từ loại thóc mới gặt về phơi khô (dân gian thường gọi là gạo mới) thì bánh đúc sẽ bị sần và bở. Một trong những bí kíp làm bánh đúc ngon nằm ở vôi - thiếu vôi thì nát, thừa vôi thì nong. Quấy bánh đến lúc sắp bắc ra mới cho chút nước muối - để vừa giữ ẩm vừa làm bánh thêm dẻo.

Người làm bánh ngâm gạo vài ngày trong nước, sau đó vớt gạo ra để ráo rồi xay thành bột. Bột gạo lại được hòa vào nước vôi trong giúp bánh dẻo, dai. Lượng nước vôi pha vào bột gạo vừa đủ để bánh khỏi bị nong, nát.



(Ảnh minh họa)

Trước khi nấu, tráng một lớp mỡ mỏng vào nồi nấu tạo vị béo cho bánh. Đổ bột vào quấy đều đến khi bột trong nồi quánh lại, trở nên trong mượt, hớt một đĩa bột lên thấy bột chảy xuống không dính đĩa là bánh đã chín.

Bánh đúc thường được chấm với tương Bần, mắm tôm, mắm tép... Ngày nay kinh tế khá giả hơn một chút, người ta còn ăn kèm bánh đúc với các loại nhân mặn làm từ thịt, tôm... Bánh đúc có vẻ ngoài trắng mịn, bóng mỡ, dễ ăn, dễ tiêu. Sau này, người dân không chỉ làm bánh đúc "ăn cho no" nữa, mà đã biến tấu món bánh đúc nấu kèm với lạc, ăn kèm với nhiều loại thức ăn mặn khác nhau hay với nước cốt dừa.



*(Ảnh minh họa)*



*(Tổng hợp từ nhiều nguồn)*

\*\*\*